

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171/2026/DS-PT**

Ngày: 18 - 3 - 2026

V/v “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; hợp đồng uỷ quyền vô hiệu; kiện đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị My My

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 484/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc *“Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; hợp đồng uỷ quyền vô hiệu; kiện đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đăk Lăk, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐ-PT, ngày 22/01/2026 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Bà H Lyna M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Buôn M, xã E, (trước đây là buôn M, thị trấn E), tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Thu H. Nơi cư trú: C V, phường T, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

+ Ông Nguyễn Đức D. Địa chỉ: 1 N, phường B (trước đây là phường T), tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

+ Ông Trần Cao T. Địa chỉ: Số A L, phường B (trước đây là phường T), tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Ông Y Thấn B, sinh năm 1955 và bà H Nữp M1, sinh năm 1966.

Cùng nơi cư trú: Buôn M, xã E, (trước đây là buôn M, thị trấn E), tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

+ Ông Y Daly M2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Buôn P, phường B, (trước đây là xã C), tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố D, xã E, (trước đây là Tổ dân phố D, thị trấn E), tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Nhữ Văn C (Có mặt) và bà Phạm Thị Á (Vắng mặt). Địa chỉ: Thôn F, xã E (trước đây là thôn F, xã C), tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á có:* Ông Lê Duy B1. Địa chỉ: Thôn G, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y, bà Lưu Thị Huệ . Địa chỉ: Thôn Đ, xã E (trước đây là thôn Đ, xã E), tỉnh Đắk Lắk. Đều có mặt.

+ Văn phòng công chứng Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Số D N, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Văn phòng C1. Địa chỉ: Tổ dân phố H, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H Lyna M và ông Y Thấn B, bà H Nữp M1 có:* Luật sư Phạm Văn N - Văn phòng luật sư Buôn Ma T2. Địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

5. Người kháng cáo:

Bị đơn bà Hoàng Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị Huệ .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 01/5/2022, trong quá trình làm việc, tại phiên tòa nguyên đơn bà H Lyna M trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T1, nên ngày 06/08/2021 gia đình ông Y Thấn B; bà H Nữp M3, ông Y DaLy M2 có ký hợp đồng ủy quyền cho bà H Lyna M lo toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hợp đồng ủy quyền được ký tại Văn phòng C2, số công chứng 000009904, quyền số 09/2021/TP/CC-SCC/HĐGD. (Nay là Văn phòng C3).

Sau khi được ủy quyền, cùng ngày tại Văn phòng C1 tôi tiếp tục ký hợp đồng ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thu H được toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng thửa đất này, số công chứng 00002549 quyền số 08/2021TP/CC-SCC/HNGD và tôi giao cho bà Hoàng Thị Thu H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367430 do UBND tỉnh Đ cấp cho hộ bà H Nữp M1 ngày 04/01/2001 thay đổi cơ sở pháp lý ngày 04/6/2020. Việc tôi ký hợp đồng ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thu H để bảo đảm cho việc bà Nguyễn Thị T1 vay tiền của bà H, không có việc tôi chuyển nhượng thửa đất cho bà Hoàng Thị Thu H.

Sau khi ông Y Thấn B, bà H Nụp M3 ký hợp đồng ủy quyền cho tôi, nhận thấy việc ủy quyền tiềm ẩn rủi ro và có khả năng bị lạm dụng nên không đồng ý ủy quyền và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và bà Hoàng Thị Thu H trả lại, do bà T1 không trả được tiền nên bà H không đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận thấy hợp đồng ủy quyền giữa tôi và bà Hoàng Thị Thu H không đúng pháp luật vì: Hợp đồng ủy quyền số 000009904 ngày 06/8/2021 tại Văn phòng C2 không có điều khoản cụ thể tôi được ủy quyền lại cho người thứ 3 và nội dung ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thu H gây ảnh hưởng đến quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của ông Y Thấn B và bà H Nụp M3. Bản chất không có việc tôi ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thu H để thực hiện công việc theo nội dung ủy quyền của ông Y Thấn B và bà H Nụp M3. Hợp đồng ủy quyền giữa tôi và bà Hoàng Thị Thu H là để đảm bảo khoản nợ của bà Nguyễn Thị T1 vay của bà Hoàng Thị Thu H, là giả cách. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2021 giữa bà H Lyna Mlô với bà Hoàng Thị Thu H, công chứng số 00002549 quyền số 08/2021/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1.

- Buộc bà Hoàng Thị Thu H trả lại cho tôi bản gốc GCNQSD đất số O 367430 vào sổ cấp GCN: 0432 QSDĐ/MT01 do UBND tỉnh Đ cấp cho hộ bà H Nụp Mlô ngày 04/01/2001 (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 04/6/2020) đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

** Tại Bản tự khai ngày 24/8/2022 bị đơn bà Hoàng Thị Thu H trình bày:*

Khi có người của Công ty bất động sản liên hệ hỏi tôi có mua đất không, sau khi bàn bạc trao đổi thông tin với nhau, thì chúng tôi đồng ý mua. Ngày 06/8/2021 tại Văn phòng C1 tôi trực tiếp trao đổi với bà H L1 để mua thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078m² tại thị trấn E, được UBND tỉnh Đ cấp ngày 04/01/2001 với giá thỏa thuận là 2,8 tỷ đồng. Văn phòng C1 lập cho chúng tôi hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền ông Y Thấn B, bà H Nụp M3, ông Y Daly M2, bà H Lyna M và bên được ủy quyền là tôi. Nội dung bà H Lyna Mlô ủy quyền cho tôi được toàn quyền quyết định đối với thửa đất trên. Sở dĩ hai bên không lập hợp đồng chuyển nhượng là do ngày 06/8/2021 chồng tôi không có mặt để làm hợp đồng chuyển nhượng, nên phải làm hợp đồng ủy quyền để tôi làm thủ tục chuyển nhượng sau. Trước khi ký hợp đồng ủy quyền bà H Lyna Mlô đọc kỹ nội dung hợp đồng ký tên và tôi đã giao đủ số tiền và bà H Lyna Mlô giao cho tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367430 do UBND tỉnh Đ cấp cho hộ bà H Nụp Mlô ngày 04/01/2001. Đến ngày 13/10/2021 tôi chuyển nhượng lại thửa đất này cho ông Nhữ Văn C. Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền thì tôi thực hiện theo đúng nội dung và phạm vi ủy quyền. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y Thấn B, bà H Nụp M3, trình bày:* Ngày 06/8/2021, bà H Lyna M hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay tiền lấy vốn kinh doanh, nên chúng tôi đến Văn phòng C2 ký hợp đồng ủy quyền cho H Lyna Mlô. Thời gian sau chúng tôi được biết, H Lyna Mlô không sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn mà ủy quyền lại cho bà Hoàng Thị Thu H để cho bà Nguyễn Thị T1 vay tiền. Việc ủy quyền lại này thì

chúng tôi không đồng ý, vì ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi. Gia đình tôi không bán đất hay nợ nần gì với bà Nguyễn Thị T1, bà Hoàng Thị Thu H, ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Ánh .1 Vì vậy chúng tôi khởi kiện yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2021 giữa bà H Núp M3, ông Y Thấn B, ông Y Daly M2 với bà H Lyna M ký tại Văn phòng C2, số công chứng số 000009904 quyển số 09/2021/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2021 giữa bà Hoàng Thị Thu H với ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á, số công chứng 000003256 quyển số 10/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 và hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên ông C, bà Á.

- Tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á với Ngân hàng TMCP Đ – Đ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy bỏ giá trị pháp lý đối với nội dung đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á ngày 20/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E.

- Buộc ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367430 vào sổ cấp GCN: 0432/QSĐĐ/MT01 do UBND tỉnh Đ cấp cho hộ bà H Núp M1ô ngày 04/01/2001 (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 04/6/2020) đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/6/2023 giữa ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á với ông Đặng Trường G và bà Trần Kim Y, Hợp đồng được công chứng số 003229, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C4.

- Hủy bỏ nội dung đăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367430 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đặng Trường G và bà Trần Kim Y.

- Tuyên hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y với bà Lưu Thị H2 về việc ủy quyền toàn quyền định đoạt thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6m² tại thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk.

* *Tại Bản tự khai ngày 24/8/2024 ông Nhữ Văn C trình bày:* Vào cuối năm 2021 tôi thấy thông tin bà Hoàng Thị Thu H đăng bán trên mạng xã hội lô đất số 23, tờ bản đồ số 156 diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E. Khi tìm hiểu nguồn gốc thửa đất và giấy tờ liên quan, nên tôi và bà H thoả thuận giá cả hẹn ngày 15/10/2021 gặp nhau tại Văn phòng C1 để làm hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi nhận chuyển nhượng đất tôi đến kiểm tra thì biết thửa đất ông Y Thấn B, bà H Núp M1ô đang ở, tôi đã thông báo cho biết diện tích đất này tôi đã nhận chuyển nhượng của bà H và yêu cầu gia đình bàn giao lại diện tích đất này cho tôi, do gia đình xin ở đến Tết thì tôi đồng ý. Sau tôi thấy thửa đất này xảy ra tranh chấp giữa bà H Lyna M với bà Hoàng Thị Thu H nên tôi chưa đòi mà đợi các bên giải quyết với nhau

xong thì tôi lấy lại sau. Hiện thửa đất này tôi đã chuyển nhượng lại cho ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y vào tháng 10/2023. Nay ông Y Thấn B, bà H Nụp M3 và chị HLyna M4 khởi kiện yêu cầu tuyên huỷ hợp đồng uỷ quyền giữa chị H Lyna Mlô với chị H và huỷ bỏ giá trị pháp lý đối nội dung đăng ký biến động sang tên tôi thì tôi không đồng ý. Buộc ông Y Thấn B, bà H Nụp M3 phải trả lại diện tích đất này cho tôi.

** Tại biên bản làm việc ngày 02/5/2024 ông Đặng Trường G trình bày:* Vào tháng 6/2023 tại Phòng C5, phường T, thành phố B, tôi và ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á có ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 156 diện tích 5078,6 m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 367430 cấp ngày 04/01/2001, thay đổi cơ sở pháp lý sang cho ông Nhữ Văn C ngày 20/10/2021 với giá ghi trong hợp đồng là 500.000.000 đồng, diện tích đất này đã đăng ký biến động sang tên tôi vào ngày 03/7/2023. Hiện diện tích đất này tôi đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà Lưu Thị Huệ . Do tôi buôn bán bất động sản, không có nhu cầu sử dụng, nên khi nhận chuyển nhượng tôi không kiểm tra thực tế diện tích đất và chưa nhận bàn giao đất này trên thực địa. Nay vụ kiện liên quan đến tôi, đề nghị Toà án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì.

** Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện bà Lưu Thị H2, bà Trần Kim Y không hợp tác, từ chối khai báo nên không ghi nhận được ý kiến của những người này (BL 405, 406)*

** Tại Bản tự khai bà Trần Thị M5 đại diện theo uỷ quyền của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đ1 (Gọi tắt Ngân hàng B2) trình bày:* Ngày 21/12/2022 Ngân hàng B2 cho ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á vay số tiền 02 tỷ đồng với thời hạn 05 tháng và ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số O 0367930 do UBND Đắk Lắk cấp ngày 04/01/2001 đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 156 diện tích 5078,6 m². Đến ngày 17/5/2023 khoản vay đến hạn ông Nhữ Văn C đã thực hiện trả đầy đủ gốc và lãi, cùng ngày Ngân hàng B2 thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm và đã trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nhữ Văn C. Đề nghị Toà án xác định Ngân hàng B2 không liên quan đến vụ kiện.

** Tại Bản tự khai ngày 20/6/2024 bà Nguyễn Thị L, Trưởng Văn phòng C3 trình bày:* Ngày 06/8/2021 tại Văn phòng công chứng ông Y Thấn B, bà H Nụp M3, ông Y DaLy M2 và bà H Lyna M đến Văn phòng C2 xuất trình giấy tờ bản chính gồm: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Đơn xin xác nhận thành viên hộ gia đình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 0367930 vào sổ 0432QSĐĐ/MT01do U cấp ngày 04/01/2001; 02 sổ hộ khẩu. Hộ bà H Nụp M3 yêu cầu làm thủ tục uỷ quyền cho bà H Lyna M. Sau khi kiểm tra hồ sơ, đối tượng đến tham gia giao dịch đúng và đủ điều kiện để giải quyết, Văn phòng C6 hợp đồng uỷ quyền và giải thích rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, hậu quả pháp lý cho các bên biết, các bên đồng ý, kiểm tra và đọc toàn bộ nội dung hợp đồng uỷ quyền, không có ý kiến sửa đổi bổ sung nội dung gì. Đối tượng tham gia giao dịch đều biết đọc, biết viết, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Việc tham gia giao dịch này là thể hiện ý chí, nguyện vọng của các bên, phù hợp với quy

định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Công chứng viên, thư ký nghiệp vụ hướng dẫn các bên ký từng trang, ghi rõ ý chí của mình vào trang cuối và điểm chỉ.

* *Tại Bản tự khai ngày 07/11/2023 Trưởng Văn phòng C1 trình bày:* Ngày 06/8/2021 tại Văn phòng C1, bà H Lyna M có đến làm thủ tục uỷ quyền cho bà Hoàng Thị Thu H và có xuất trình bản chính giấy tờ gồm: 01 hợp đồng uỷ quyền do Văn phòng C2 ký; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O367430 số vào sổ 0432 QSDĐ/MT01 do U cấp ngày 04/01/2001; 02 Chứng minh nhân dân; 02 Sổ hộ khẩu, bà H L1 yêu cầu Văn phòng làm thủ tục uỷ quyền cho bà Hoàng Thị Thu H. Sau khi kiểm tra giấy tờ, đối tượng đến tham gia giao dịch đúng và đủ điều kiện để giải quyết, Văn phòng soạn thảo hợp đồng uỷ quyền; đồng thời giải thích rõ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm, hậu quả pháp lý cho các bên tham gia giao dịch biết, các bên đồng ý, đã kiểm tra và đọc toàn bộ nội dung hợp đồng uỷ quyền, công chứng hướng dẫn, giám sát các bên ký từng trang, ghi rõ ý chí của mình vào trang cuối và điểm chỉ. Đề nghị Toà án giải quyết vụ kiện theo quy định.

* *Tại biên bản làm việc ngày 29/8/2022 và ngày 12/5/2025 bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết với gia đình bà H Lyna Mlô, đang cần tiền làm ăn, nên tôi có đặt vấn đề mượn bà H L1 Mlô bìa đất tại buôn M, với thời hạn 01 tháng và được gia đình đồng ý. Nên ngày 06/8/2021 gia đình ông Y Thăn B, bà H Núp Mlô uỷ quyền cho bà H Lyna Mlô để bà H Lyna Mlô uỷ quyền cho bà H, để bà H cho tôi vay số tiền 02 tỷ đồng, mục đích uỷ quyền để đảm bảo cho khoản vay của tôi với bà H. Sau khi bà H Lyna Mlô lập văn bản uỷ quyền thì bà Hoàng Thị Thu H, ông Nhữ Văn C có chuyển vào số tài khoản 109002904012 của tôi số tiền 02 tỷ đồng, khi làm thủ tục uỷ quyền chúng tôi thoả thuận miệng là cầm cố chứ không mua bán. Nay bà H Lyna Mlô khởi kiện tuyên vô hiệu hợp đồng uỷ quyền ngày 06/8/2021 giữa bà H Lyna M với bà Hoàng Thị Thu H và buộc bà H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Toà án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. (BL 89, 469)

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà H Núp M3, ông Y Thăn B và Luật sư Phạm Văn N người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này trình bày: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà H Núp Mlô, ông Y Thăn B và luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người trên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối yêu cầu: Huỷ hợp đồng thế chấp giữa ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á với Ngân hàng B2 và thay đổi yêu cầu đòi ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rút yêu cầu tuyên hủy hợp đồng uỷ quyền giữa ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y với bà Lưu Thị H2 về việc uỷ quyền toàn quyền định đoạt thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6m² tại thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Hoàng Thị Thu H là ông Nguyễn Đức D trình bày: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tại phiên tòa. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H Nụp M3 và ông Y Thấn B.

- Đại diện theo uỷ quyền của ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á là ông Lê Duy B1 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á có đơn yêu cầu độc lập buộc bà H Nụp M3, ông Y Thấn B phải bàn giao trả lại toàn bộ diện tích 5078,6 m² thửa đất số 23, tờ bản đồ số 156. Ngày 16/12/2024 ông C, bà Á có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu này, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết. Sau khi phân tích các chứng cứ, quy định của pháp luật và đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/10/2021 giữa bà Hoàng Thị Thu H với ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á, số công chứng 000002549 quyền số 08/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 và yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên ông C, bà Á với ông Đặng Trường G.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3, 11 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 124, Điều 562, 564 Bộ luật Dân sự. Điều 166, Điều 168 Luật Đất đai 2013.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Lyna M.

- Tuyên hợp đồng uỷ quyền giữa bà H Lyna Mlô với bà Hoàng Thị Thu H công chứng số 00002549 quyền số 08/2021/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1 là vô hiệu.

- Buộc ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y phải có trách nhiệm trả lại cho bà H Lyna Mlô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O367430 vào sổ cấp GCN: 0432/QSĐĐ/MT01, do UBND tỉnh Đ cấp ngày 04/01/2001 (thay đổi cơ sở pháp lý ngày 04/6/2020) đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk mang tên hộ bà H Nụp M1.

Trường hợp ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông Y Thấn B và bà H Nụp Mlô là người sử dụng đất được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý đối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp Luật Đất đai.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y Thấn B và bà H Nụp M3.

Tuyên bố các văn bản công chứng sau đây vô hiệu

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị Thu H với ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á ngày 15/10/2021 công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 000003256, quyền số 08/2021TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất

số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tọa lạc tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Hợp đồng chuyên nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á với ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y số công chứng 003229, quyền số 06/2023 TP/CC-SSCC/HĐGD ngày 08/6/2023 tại Văn phòng C4 đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tọa lạc tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Y Thấn B và bà H Nụp M1ô về việc tuyên huỷ hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2021 giữa bà H Nụp M3, ông Y Thấn B, ông Y Daly M2 với bà H Lyna M1ô tại Văn phòng C2, số công chứng 000009904 quyền số 09/2021/TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y Thấn B và bà H Nụp M3 về việc tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á với Ngân hàng B2 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Y Thấn B và bà H Nụp M1ô về việc tuyên huỷ hợp đồng ủy quyền giữa ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y với bà Lưu Thị H2 đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6m² tại thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á về việc buộc ông Y Thấn B và bà H Nụp M3 phải trả lại toàn bộ diện tích đất và tài sản trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, diện tích 5078,6 m² tọa lạc tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

5. Các đương sự có quyền khởi kiện để giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu ở trên bằng vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 06/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Y Thấn B và bà H Nụp M1 kháng cáo một phần bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập về việc tuyên huỷ Hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2022 giữa ông Y Thấn B, bà H Nụp M1, ông Y Daly M2 với bà H Lyna M.

- Ngày 8, 9 tháng 9 năm 2025, bị đơn bà Hoàng Thị Thu H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nhữ Văn C và bà Phạm Thị Á kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 10/9/2025, ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 kháng cáo kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, các ông bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án, chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trường hợp không thể khắc phục được thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H L, ông Y Thấn B, bà H Nữp M1 trình bày: Hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2021 là giả tạo, che giấu giao dịch khác. Các giao dịch sau đó đều không chứng minh được việc giao tiền, giao đất. Việc chuyển nhượng khi đang có tranh chấp là trái pháp luật, có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Thực tế gia đình bà H Lyna Mlô vẫn quản lý, sử dụng đất, không có việc bàn giao thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y Thấn B, bà H Nữp M1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị Huệ. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Thực hiện nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H2 cung cấp Hợp đồng ủy quyền ngày 25/3/2024 được công chứng tại văn phòng C7 và Hợp đồng mua bán đất ngày 26/3/2024 giữa ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y với bà Lưu Thị H2 đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 23, đây là các tài liệu chứng cứ mới.

[2.2] Bản án sơ thẩm nhận định rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết

hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 trình bày không nhận được giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm nên không biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Qua kiểm tra hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Tại Thông báo số 05/TB-TA ngày 02/6/2024 của Tòa án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự (bút lục 352) có nội dung thông báo cho ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 nếu có yêu cầu độc lập thì phải làm đơn theo quy định. Tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện văn bản này được giao cho ông Đặng Trường G ngày 31/5/2024, trước thời điểm văn bản được ban hành; đồng thời việc giao nhận chỉ thể hiện ông G là người nhận, không có căn cứ xác định việc ông G cam kết giao lại cho bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị Huệ. Bà Lưu Thị H2 không cư trú cùng địa chỉ với ông G nên việc giao nhận trên không bảo đảm đúng quy định về tổng đạt văn bản tố tụng.

Quyết định số 47 và 48/2024/QĐ-CCTLCC ngày 09/7/2024 của Tòa án (bút lục 403 và 404) yêu cầu ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, tại bút lục 402 thể hiện không có căn cứ xác định việc tổng đạt giao nhận hợp lệ.

Tại biên bản làm việc ngày 20/8/2024 (bút lục 406) làm việc tại nơi ở của bà Lưu Thị H2 nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể; biên bản làm việc ngày 14/8/2024 (bút lục 405) tại nơi ở của ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y thể hiện nội dung Tòa án yêu cầu các đương sự làm đơn yêu cầu độc lập, tuy nhiên các đương sự cho rằng việc mua bán là hợp pháp và không trình bày ý kiến, nguyện vọng cụ thể, không ký vào biên bản. Tại phiên tòa phúc thẩm ông G, bà Y, bà H2 xác định không có việc Tòa án đến nhà các ông bà để làm việc về các nội dung trên.

Tại biên bản giao Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục 443 và 456) và Biên bản giao Thông báo thụ lý yêu cầu độc lập (bút lục 393) không bảo đảm giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ. Hồ sơ vụ án không thể hiện việc tổng đạt văn bản Thông báo kết quả định giá tài sản cho ông Đặng Trường G và bà Trần Kim Y. Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXX-DS ngày 06/6/2025, không có tên bà Lưu Thị H2 và hồ sơ cũng không thể hiện việc tổng đạt quyết định cho bà H2. Đối với Quyết định hoãn phiên tòa, hồ sơ thể hiện bà Trần Kim Y nhận thay và cam kết giao lại cho ông Đặng Trường G và bà Lưu Thị Huệ. Tuy nhiên bà H2 không phải là người thân và cư trú cùng địa chỉ với bà Trần Kim Y nên việc giao nhận thay không bảo đảm.

[2.4] Theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và

nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Theo quy định tại các Điều 173 và 174 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng phải được thực hiện trực tiếp cho đương sự hoặc người được ủy quyền hợp pháp. Ngoài ra, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định việc giao nhận văn bản tố tụng phải có ký nhận của người nhận hoặc được lập thành biên bản theo quy định.

Trong vụ án này, nhiều văn bản tố tụng không tổng đạt hợp lệ cho đương sự dẫn đến những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được thông báo đầy đủ về quá trình giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền tham gia tố tụng và quyền thực hiện các yêu cầu của họ.

Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại mục 2 phần III Công văn giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, khi giải quyết vụ án dân sự có yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và việc giải thích này phải được ghi nhận trong hồ sơ vụ án. Hồ sơ vụ án không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích đầy đủ cho các đương sự, đặc biệt là ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2, về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[2.5] Trong quá trình giải quyết, bà H Lyna M trình bày việc ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thu H nhằm bảo đảm cho khoản vay của bà Nguyễn Thị T1. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại Giấy mượn bìa lập ngày 06/8/2021 và Giấy cam kết lập ngày 19/12/2021 có nội dung bà Nguyễn Thị T1 và chồng là ông Đỗ Duy A mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H Lyna M để vay số tiền 2.120.000.000 đồng của bà Hoàng Thị Thu H. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đỗ Duy A có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập và không đưa ông Đỗ Duy A tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa bảo đảm quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến việc xác định đầy đủ, toàn diện các quan hệ pháp luật và quyền, nghĩa vụ của các bên trong vụ án.

[2.6] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà Lưu Thị H2 cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và từ các nhận định nêu trên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền được biết, quyền tham gia tố tụng và quyền thực hiện các yêu cầu của các đương sự. Ảnh hưởng đến việc giải quyết triệt để vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với các nội dung kháng cáo khác: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét các nội dung kháng cáo khác của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị Huệ .

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết ở cấp sơ thẩm.

- Bà Hoàng Thị Thu H; ông Y Thấn B; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Hoàng Thị Thu H; bà H Nữp M1; ông Nhữ Văn C, bà Phạm Thị Á; ông Đặng Trường G, bà Trần Kim Y và bà Lưu Thị H2 mỗi người được nhận lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0000729 ngày 11/9/2025; 0000769 ngày 12/9/2025; 0000798, 0000799, 0000803, 0000804 cùng ngày 15/9/2025; 0000846 ngày 17/9/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 07 - Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Công TTĐT Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền